

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Growth beyond boundaries

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 08/09/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng), tương đương 28.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:

- Ông Trịnh Văn Nhật
- Ông Nguyễn Hồng Phong
- Bà Lê Thị Tinh
- Ông Ngô Ngọc Đình
- Bà Dư Thị Vân
- Ông Bùi Văn Thụy
- Ông Vũ Văn Minh

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/05/2026)
- Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/05/2026)
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)
- Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/05/2026)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên:

- Bà Dư Thị Vân
- Ông Chu Văn Lý
- Ông Trịnh Văn Nhật
- Ông Nguyễn Hồng Phong

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

- Bà Vũ Thị Khánh Linh
- Bà Nguyễn Thị Minh Huệ
- Bà Nguyễn Thị Hiền

Chức vụ:

- Trưởng ban Kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên

3. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này là Bà Dư Thị Vân - Tổng Giám đốc Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG được bổ nhiệm là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép và lưu trữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ các quy định của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





Số: 23 /2026/BCSX/TTG.KD9

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/08/2026, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được trình bày từ trang 7 đến trang 31.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2026, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho do Công ty không thực hiện kiểm kê tại ngày 30/06/2026. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản mục hàng tồn kho nêu trên. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu và giá trị của khoản mục hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm tại ngày 01/01/2026 và tại ngày 30/06/2026 với giá trị lần lượt là 36.847.837.519 VND và 38.059.588.443 VND. Đồng thời Chúng tôi không thể xác định được số dự phòng của khoản mục hàng tồn kho cần trích lập tại thời điểm 01/01/2026 và 30/06/2026 (nếu có).

Tại ngày 30/06/2026, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC với giá trị 215.791.544.000 VND và khoản dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng 605.924.458 VND. Khoản dự phòng được Công ty xác định căn cứ trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC. Trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đã được soát xét, Kiểm toán viên đưa ra kết luận ngoại trừ tính giá trị, khả năng thu hồi của khoản mục hàng tồn kho với giá trị 78.079.558.526 VND cũng như không xác định được giá trị dự phòng tương ứng (nếu có). Đồng thời nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục do trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC không phát sinh doanh thu, hoạt động kinh doanh đáng kể. Các vấn đề trên có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi của khoản đầu tư vào Công ty Con cũng như ảnh hưởng tới giá trị dự phòng tổn thất đầu tư tương ứng. Các thủ tục thay thế không thể thực hiện. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đầy đủ và tính giá trị của khoản dự phòng tổn thất đầu tư được Công ty ghi nhận tại ngày 30/06/2026.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận ngoại trừ báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 29/08/2025.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này vào ngày 30/03/2026.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN PKF-TTG**



Nguyễn Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2305-2023-330-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.242.839.287	62.560.012.025
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	889.734.157	300.893.971
Tiền	111		889.734.157	300.893.971
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.288.587.246	25.393.735.091
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	13.718.729.072	23.301.853.287
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	8.569.858.174	2.091.881.804
IV. Hàng tồn kho	140		38.059.588.443	36.847.837.519
Hàng tồn kho	141	5.5	38.059.588.443	36.847.837.519
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.929.441	17.545.444
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.4	4.880.000	17.496.003
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.11	49.441	49.441
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		241.605.331.398	243.163.384.992
II. Tài sản cố định	220		26.419.711.856	27.723.836.180
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	17.579.954.582	18.832.071.296
- Nguyên giá	222		35.440.647.047	35.440.647.047
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.860.692.465)	(16.608.575.751)
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	8.839.757.274	8.891.764.884
- Nguyên giá	228		9.661.500.000	9.661.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(821.742.726)	(769.735.116)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.8	215.185.619.542	215.439.548.812
Đầu tư vào công ty con	261		215.791.544.000	215.791.544.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(605.924.458)	(351.995.188)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		302.848.170.685	305.723.397.017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.574.501.129	4.393.047.373
I. Nợ ngắn hạn	310		2.574.501.129	4.393.047.373
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	342.368.580	2.918.331.538
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	69.156.285	19.888.522
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.11	43.302.905	261.223.693
Phải trả người lao động	315		38.940.423	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.12	464.444.454	520.000.012
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.13	173.133.044	84.340.744
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.443.155.438	589.262.864
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.14	300.273.669.556	301.330.349.644
Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
Thặng dư vốn	412		(30.000.000)	(30.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		721.577.719	294.631.432
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.582.091.837	21.065.718.212
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		19.784.879.351	17.814.585.052
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(202.787.514)	3.251.133.160
TÓNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		302.848.170.685	305.723.397.017

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Phong

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đur Thị Vân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	60.850.441.935	30.698.157.946
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.850.441.935	30.698.157.946
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	59.254.728.029	29.593.573.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.595.713.906	1.104.584.399
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	33.687	20.603
8. Chi phí tài chính	23	6.4	253.929.270	-
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1.046.773.551	1.090.230.460
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	445.715.949	848.604.805
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(150.671.177)	(834.230.263)
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	6.7	52.116.337	1.646.109
14. Lợi nhuận khác	40		(52.116.337)	(1.646.109)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(202.787.514)	(835.876.372)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(202.787.514)	(835.876.372)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Phong

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đỗ Thị Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(202.787.514)	(835.876.372)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.304.124.324	1.329.329.258
Các khoản dự phòng	03		253.929.270	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(33.687)	(20.603)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.355.232.393	493.432.283
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.105.147.845	607.555.438
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.211.750.924)	(1.781.384.936)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.672.438.818)	692.420.442
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		12.616.003	(21.896.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		588.806.499	(9.872.774)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.687	20.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.687	20.603
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		588.840.186	(9.852.171)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	300.893.971	756.318.217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	889.734.157	746.466.046

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Phong

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đu Thị Vân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/02/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 cấp ngày 08/09/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng), tương đương 28.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DVG từ ngày 19/03/2020.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tit. Chi tiết: Sản xuất sơn xây dựng; Sản xuất bột bả matist, véc ni và các chất sơn quét tương tự;
- Bán buôn vật liệu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bãi, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có công ty con và các đơn vị hạch toán phụ thuộc, cụ thể như sau:

Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

TT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
----	-------------	---------------	-------------------	----------------------	-----------------

Các công ty con sở hữu trực tiếp

1	Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC	Quảng Trị	84,01 %	84,01 %	Nông lâm nghiệp
---	-----------------------------	-----------	---------	---------	-----------------

Các đơn vị trực thuộc

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hải Phòng	Xóm 5, Phường Lưu Kiếm, Hải Phòng
2	Địa điểm kinh doanh Thanh Hoá	QL1A, Xã Hoàng Phú, Thanh Hoá

1.5. Số lượng người lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 8 người.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN VÀ GIÁ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2.3. Giá định cơ sở hoạt động liên tục

Không có sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2. Áp dụng hướng dẫn mới về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc áp dụng Thông tư 99 trong kỳ kế toán hiện tại không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là các chính sách kế toán quan trọng được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của năm gần nhất

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con;

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm với việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng tại thời điểm hiện tại.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Trường hợp Công ty giải thể công ty con và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty con vào Công ty (Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty con), Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị giải thể vào báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau: Nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 07 - 40 năm
- Máy móc thiết bị: 03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

4.7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty, và chủ yếu là chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ, bao bì chuyển đổi, và các khoản chi phí chờ phân bổ dài hạn và ngắn hạn khác. Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí tương ứng với khả năng tạo ra lợi ích kinh tế từ các chi phí này.

4.8. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành/ thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá tái phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các bên góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4.11. Thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 8%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ kế toán và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ kế toán là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, đồng thời xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi bán hàng trả chậm.... Tiền lãi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi chênh lệch tỷ giá và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu (Trường hợp Công ty cổ phần) chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí hoạt động tài chính khác không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất, kinh doanh sơn xây dựng, bột bả matist và các vật liệu xây dựng khác. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (Thành phố Hà Nội). Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

4.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.
- Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH RIÊNG****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
- Tiền mặt	888.701.372	279.041.853
- Tiền gửi không kỳ hạn	1.032.785	21.852.118
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	754.625	1.283.561
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	252.204	226.662
+ Các ngân hàng khác	25.956	20.341.895
Cộng	889.734.157	300.893.971

Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.2. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ (VND)		Đầu kỳ (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
+ Công ty Cổ phần Hưng Đại Nam	3.718.003.040	-	5.718.003.040	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sendai	3.505.428.751	-	2.489.917.199	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sơn Triệu Sơn	172.403.923	-	2.877.083.853	-
+ Công ty Cổ phần Candy Quốc tế	-	-	112.576.464	-
+ Công ty Cổ phần Newton Quốc tế	39.243.374	-	1.970.652.205	-
+ Công ty Cổ phần Viettin Group	3.560.599.887	-	3.513.485.126	-
+ Công ty Cổ phần Sudo Việt Nam	-	-	1.341.891.437	-
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	2.723.050.097	-	5.278.243.963	-
Cộng	13.718.729.072	-	23.301.853.287	-

5.3. Trả trước cho người bán

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	6.587.404.008	1.895.779.637
+ Công ty TNHH My Dream	1.928.463.999	-
+ Các khoản trả trước cho người bán khác	53.990.167	196.102.167
Cộng	8.569.858.174	2.091.881.804

5.4. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.880.000	13.496.000
- Phí bảo trì phần mềm	-	4.000.003
Cộng	4.880.000	17.496.003



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.5. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ (VND)		Đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	38.016.017.881	-	36.845.496.418	-
- Thành phẩm	43.570.562	-	2.341.101	-
Cộng	38.059.588.443	-	36.847.837.519	-

5.6. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tổng cộng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên giá	3.197.882.000	30.016.495.956	2.226.269.091	35.440.647.047	2.226.269.091	35.440.647.047	
Số dư đầu kỳ	3.197.882.000	30.016.495.956	2.226.269.091	35.440.647.047	2.226.269.091	35.440.647.047	
Số dư cuối kỳ	(1.221.719.845)	(13.160.586.815)	(2.226.269.091)	(16.608.575.751)	(2.226.269.091)	(16.608.575.751)	
Giá trị hao mòn lũy kế	(89.908.092)	(1.162.208.622)	-	(1.252.116.714)	-	(1.252.116.714)	
Số dư đầu kỳ	(1.311.627.937)	(14.322.795.437)	(2.226.269.091)	(17.860.692.465)	(2.226.269.091)	(17.860.692.465)	
Khấu hao trong kỳ	1.976.162.155	16.855.909.141	-	18.832.071.296	-	18.832.071.296	
Số dư cuối kỳ	1.886.254.063	15.693.700.519	-	17.579.954.582	-	17.579.954.582	
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2026: 5.889.365.047 VND. (Tại ngày 31/12/2025 là 5.889.365.047 VND)	-	-	-	-	-	-	

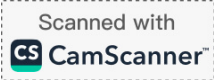
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.271.500.000	390.000.000	9.661.500.000
Số dư cuối kỳ	9.271.500.000	390.000.000	9.661.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(411.928.664)	(357.806.452)	(769.735.116)
<i>Hao mòn trong kỳ</i>	<i>(40.007.610)</i>	<i>(12.000.000)</i>	<i>(52.007.610)</i>
Số dư cuối năm	(451.936.274)	(369.806.452)	(821.742.726)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	8.859.571.336	32.193.548	8.891.764.884
Tại ngày cuối kỳ	8.819.563.726	20.193.548	8.839.757.274

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 270.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2025 là 270.000.000 VND)





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

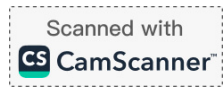
5.8. Đầu tư tài chính

	Cuối kỳ (VND)		Đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	215.791.544.000	(605.924.458)	(*)	215.791.544.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC	215.791.544.000	(605.924.458)	(*)	215.791.544.000
Cộng	215.791.544.000	(605.924.458)	(*)	215.791.544.000

(*) Theo quy định tại Thông tư số 99/TT-BTC ngày 27/10/2025, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2026. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Đầu tư vào Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC	Tổ dân phố 12, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	84,01%	84,01%	Sản xuất và Kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
+ Công ty TNHH My Dream	-	2.888.745.121
+ Công ty Cổ phần Candy Quốc tế	297.916.640	-
+ Các khoản phải trả người bán khác	44.451.940	29.586.417
Cộng	342.368.580	2.918.331.538

5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
+ Công ty TNHH Công nghiệp Quốc tế Hongzhan	19.428.522	19.428.522
+ Công ty Cổ phần Sudo Việt Nam	49.727.763	-
+ Người mua trả tiền trước khác	-	460.000
Cộng	69.156.285	19.888.522

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu kỳ (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Cuối kỳ (VND)
- Thuế GTGT đầu ra	261.223.693	43.302.906	261.223.694	43.302.905
Cộng	261.223.693	43.302.906	261.223.694	43.302.905

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Đầu kỳ (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã thực nộp trong kỳ (VND)	Cuối kỳ (VND)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.441	-	-	49.441
Cộng	49.441	-	-	49.441

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
+ Chi phí kiểm toán	-	100.000.000
+ Chi phí khác	464.444.454	420.000.012
Cộng	464.444.454	520.000.012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
+ Kinh phí công đoàn	23.175.000	15.291.500
+ Bảo hiểm xã hội	130.046.577	61.690.785
+ Bảo hiểm y tế	11.362.950	2.704.500
+ Bảo hiểm thất nghiệp	5.156.400	1.202.000
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.392.117	3.451.959
Cộng	173.133.044	84.340.744

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.14. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	280.000.000.000	(30.000.000)	294.631.432	17.814.585.052	298.079.216.484
- Lãi trong năm trước	-	-	-	3.251.133.160	3.251.133.160
Số dư cuối năm trước	280.000.000.000	(30.000.000)	294.631.432	21.065.718.212	301.330.349.644
Số dư đầu năm nay	280.000.000.000	(30.000.000)	294.631.432	21.065.718.212	301.330.349.644
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(202.787.514)	(202.787.514)
- Phân phối lợi nhuận năm 2025 (*)	-	-	426.946.287	(1.280.838.861)	(853.892.574)
+ Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(426.946.287)	(426.946.287)
+ Trích quỹ phúc lợi	-	-	-	(426.946.287)	(426.946.287)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	426.946.287	(426.946.287)	-
Số dư cuối kỳ	280.000.000.000	(30.000.000)	721.577.719	19.582.091.837	300.273.669.556

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ/DVG ngày 28/05/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ (VND)	Đầu kỳ (VND)
- Bà Trần Thị Trinh	28.210.000.000	28.210.000.000
- Các cổ đông khác	251.790.000.000	251.790.000.000
Cộng	280.000.000.000	280.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (CP)	Số đầu kỳ (CP)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.000.000	28.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu phổ thông	28.000.000	28.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP): 10.000 VNĐ/cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	54.233.909.935	26.357.606.946
- Doanh thu bán thành phẩm	6.616.532.000	4.340.551.000
Cộng	60.850.441.935	30.698.157.946

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Giá vốn hàng hóa	54.862.798.437	26.261.790.840
- Giá vốn thành phẩm	4.391.929.592	3.331.782.707
Cộng	59.254.728.029	29.593.573.547

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi	33.687	20.603
Cộng	33.687	20.603

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Dự phòng tổn thất đầu tư	253.929.270	-
Cộng	253.929.270	-

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí cho nhân viên	112.263.615	155.720.524
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	934.509.936	934.509.936
Cộng	1.046.773.551	1.090.230.460

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG**Mẫu số B 09a – DN**Địa chỉ: Số 9 ngõ 61 đường Phương Bải, TDP Yên
Thành, Phường Chương Mỹ, TP. Hà Nội, Việt Nam(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí cho nhân viên	126.674.000	111.895.507
- Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	14.536.003	4.948.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.904.790	97.904.790
- Thuế, phí và lệ phí	-	5.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.389.056	610.012.509
- Các chi phí khác bằng tiền	2.212.100	18.843.999
Cộng	445.715.949	848.604.805

6.7. Chi phí khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Các khoản chậm nộp thuế	52.116.337	1.646.109
Cộng	52.116.337	1.646.109

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(202.787.514)	(835.876.372)
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	52.116.337	1.646.109
+ Các khoản chi phí không được trừ	52.116.337	1.646.109
- Thu nhập chịu thuế TNDN	(150.671.177)	(834.230.263)
- Chi phí thuế TNDN	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ	3.829.904.203	2.279.575.734
Chi phí nhân công	373.840.075	361.618.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.304.124.324	1.329.329.258
Thuế, phí và lệ phí	-	5.000.000
Chi phí dự phòng	253.929.270	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.545.851	1.106.082.649
Chi phí bằng tiền khác	2.256.100	62.025.817
Cộng	6.179.599.823	5.143.632.315

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 30

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Bên liên quan		Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Đầu tư TCTC		Công ty con	
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên/Ban kiểm soát:			
	Chức danh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên	-	30 035 384
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban	-	5 537 692

7.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hồng Phong**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Trần Thị Vân**